TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 02 năm 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Ly;
2. Bà Bùi Thị Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Quang Thái Tài - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Và Bá Của- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS ngày 10/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lữ Thị D, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phang Văn T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Bản X, xã C, huyện K, Nghệ An. Vắng mặt (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lữ Thị D vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lữ Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phang Văn T tiến hành đăng kết hôn vào ngày 06/04/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về thủ tục và điều kiện kết hôn. Thời gian đầu khi mới lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương nhau cùng nhau vun vén, xây dựng gia đình, khoảng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp trong cuộc sống, anh Phang Văn T không quan tâm chăm sóc tới gia đình. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần, vợ chồng đã cố gắng hàn

gắn nhưng không thể hòa giải. Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện chị Lữ Thị D không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phang Văn T.

Về con chung (con riêng): Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T có 01 con chung là cháu Phang Thị Nhi L, sinh ngày 05/08/2003 và chị Lữ Thị D có 04 người con riêng là Vi Thị T, sinh ngày 24/09/2000; Vi Văn Đ, sinh ngày 29/12/1990; Vi Văn H, sinh ngày 29/03/1993; Vi Văn D, sinh ngày 29/10/1995. Nay ly hôn các cháu đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lữ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh Phang Văn T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, thỉnh thoảng có trở về địa phương thăm gia đình và con, hiện nay anh Phang Văn T không khai báo về việc thay đổi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã C và tại bản X, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phang Văn T vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204, 207, 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về hôn nhân: Cho chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T được ly hôn; về con chung: Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T có 01 con chung là cháu Phang Thị Nhi L, sinh ngày 05/08/2003 và chị Lữ Thị D có 04 người con riêng là Vi Thị T, sinh ngày 24/09/2000; Vi Văn Đ, sinh ngày 29/12/1990; Vi Văn H, sinh ngày 29/03/1993; Vi Văn D, sinh ngày 29/10/1995 hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lữ Thị D không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị Lữ Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lữ Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phang Văn T có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lữ Thị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phang Văn T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T tự nguyện kết hôn sau một thời gian tìm hiểu, kết hôn đúng điều kiện, nơi đăng ký kết hôn là tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp trong cuộc sống, anh Phang Văn T không quan tâm chăm sóc tới gia đình, nhiều lần chị đã tha thứ nhưng anh Phang Văn T vẫn không thay đổi. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa giải. Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân của chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho chị Lữ Thị D được ly hôn với anh Phang Văn T.

[3.2] Về con chung: Chị Lữ Thị D và anh Phang Văn T có 01 con chung là cháu Phang Thị Nhi L, sinh ngày 05/08/2003 và chị Lữ Thị D có 04 người con riêng là Vi Thị T, sinh ngày 24/09/2000; Vi Văn Đ, sinh ngày 29/12/1990; Vi Văn H, sinh ngày 29/03/1993; Vi Văn D, sinh ngày 29/10/1995. Nay ly hôn, các cháu đều đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy các cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Lữ Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lữ Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lữ Thị D được ly hôn với anh Phang Văn T.

2. Về án phí: Chị Lữ Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0001108 ngày 30/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (Chị Lữ Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lữ Thị D và bị đơn anh Phang Văn T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên